

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	24,74%	17.23%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	17,97%	8.56%

2. Kết quả thu chi hoạt động (đơn vị: Tỷ đồng)

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	239.569	182.993
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0.000	0.000
II	Thu giáo dục và đào tạo	210.330	169.506
1	Học phí, lệ phí từ người học	135.069	100.000
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0.000	0.000
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0.000	0.000
4	Thu khác	75.261	69.506
III	Thu khoa học và công nghệ	29.239	13.487
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0.000	2.608
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	29.239	10.879
3	Thu khác	0.000	0.000
IV	Thu nhập khác (thu nhập ròng)	0.000	0.000
	Tổng nguồn thu học phí và hỗ trợ chi thường xuyên	135.069	100.000
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	219.602	122.383
I	Chi lương, thu nhập	77.442	57.798
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	51.406	40.301
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	26.036	17.497
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	59.548	40.649
1	Chi cho đào tạo	21.256	12.493
2	Chi cho nghiên cứu	29.239	18.346
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0.380	0.443
4	Chi phí chung và chi khác	8.673	9.367
III	Chi hỗ trợ người học	3.435	1.182
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	3.406	1.129
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0.029	0.053
3	Chi hoạt động khác	0.000	0.000
IV	Chi khác	79.177	22.754

C	CHÊNH LỆCH THU CHI	19.967	60.610
	Chênh lệch thu chi/Tổng thu	8.330	33.120

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Hương